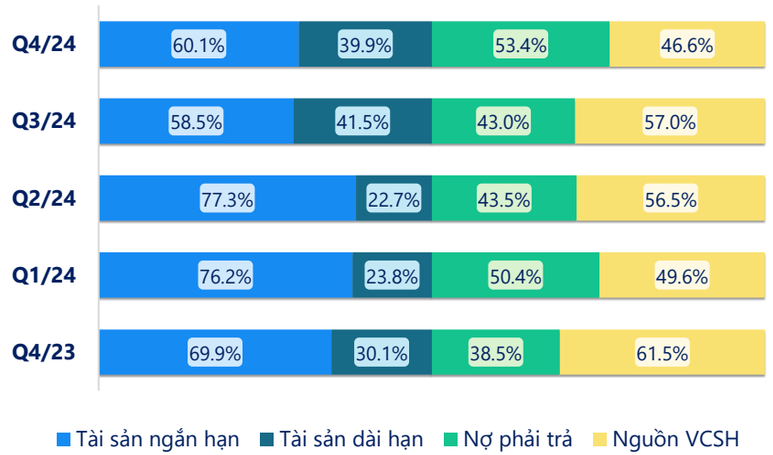
FireAnt

CTCP Xây dựng và Thiết kế số 1 (UPCOM: DCF)

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	69,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	90,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	38,000
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,070
P/E	52.6
EPS	1,313

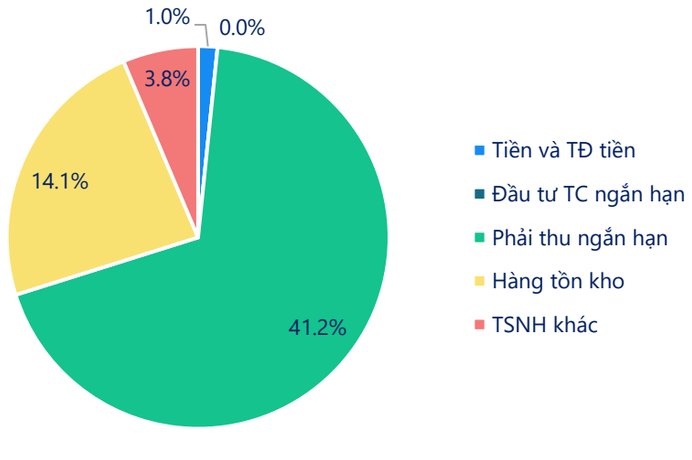
	YTD	1T	3T	6T
DCF	0.0%	-4.4%	36.4%	
VNINDEX	2.1%	-0.2%	-1.3%	

Cơ cấu Tổng tài sản



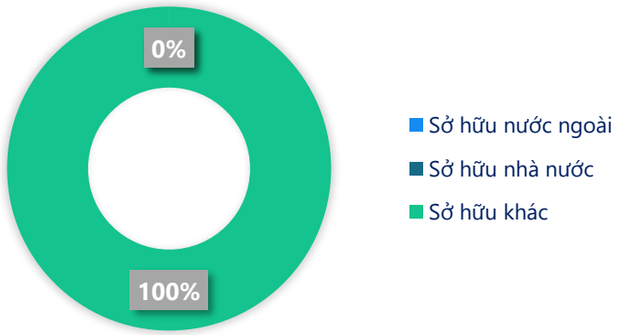
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



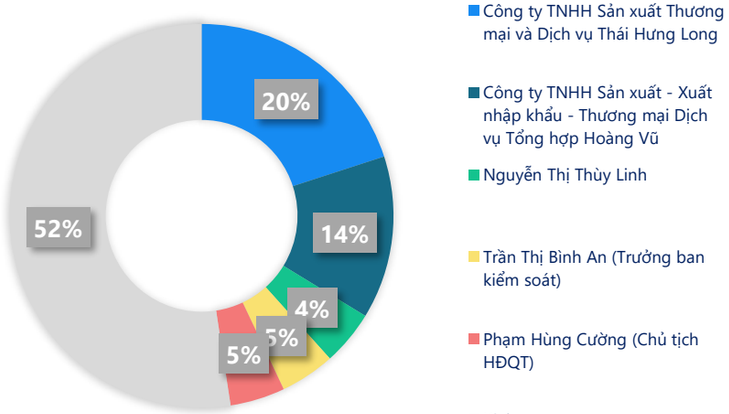
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



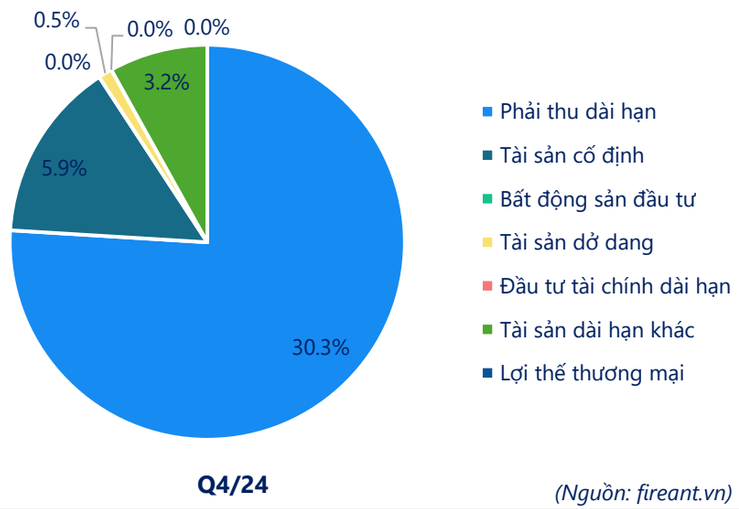
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

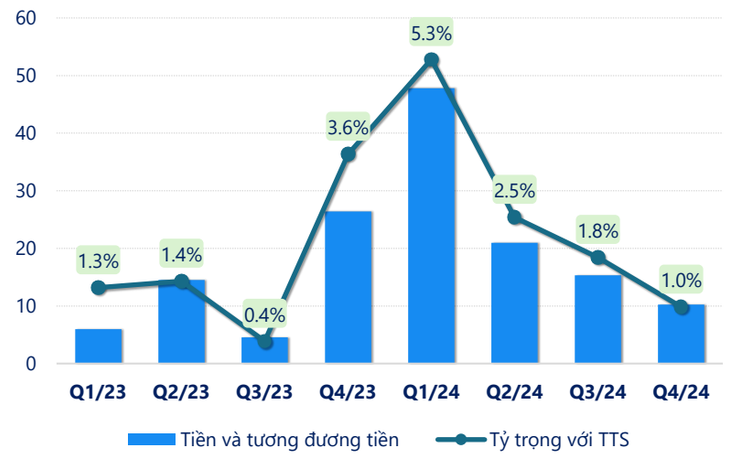


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

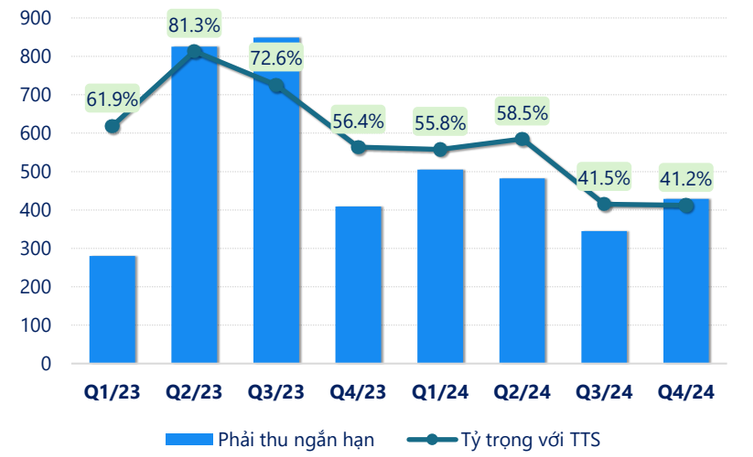
CTCP Xây dựng và Thiết kế số 1 (UPCOM: DCF)

Tiền và tương đương tiền



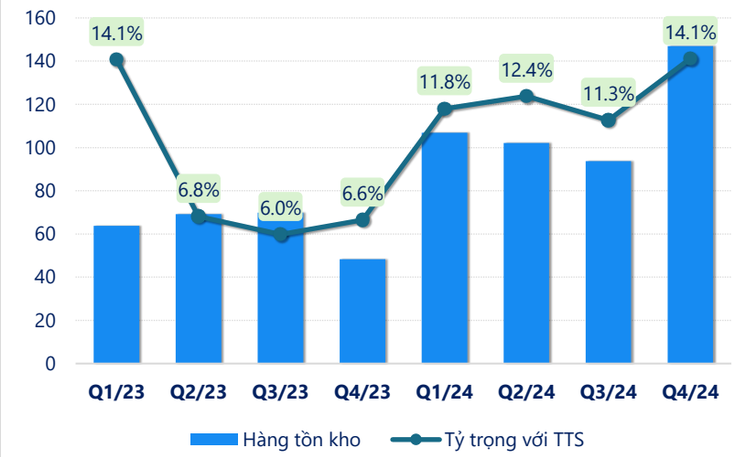
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



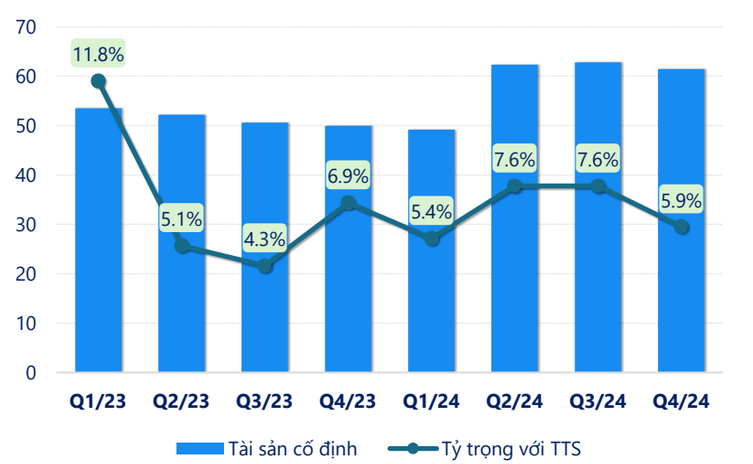
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



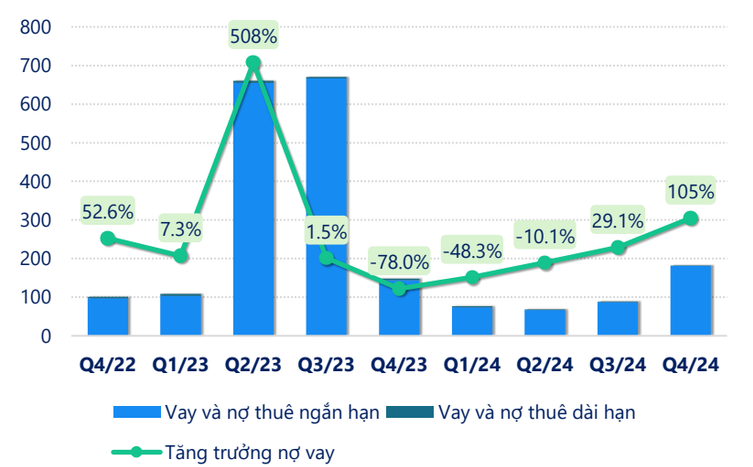
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



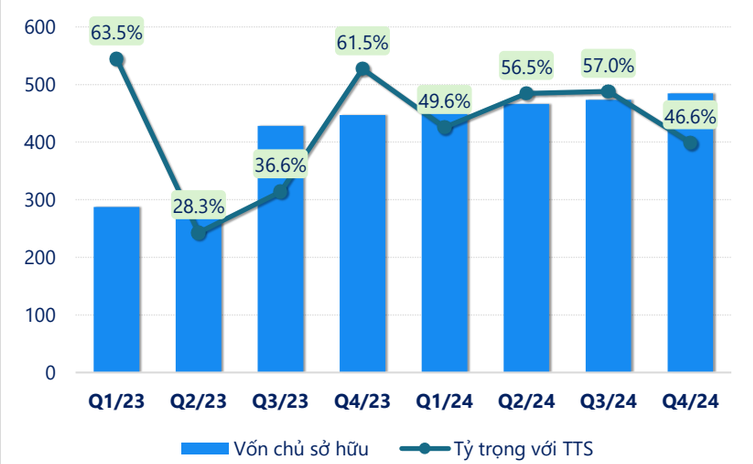
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

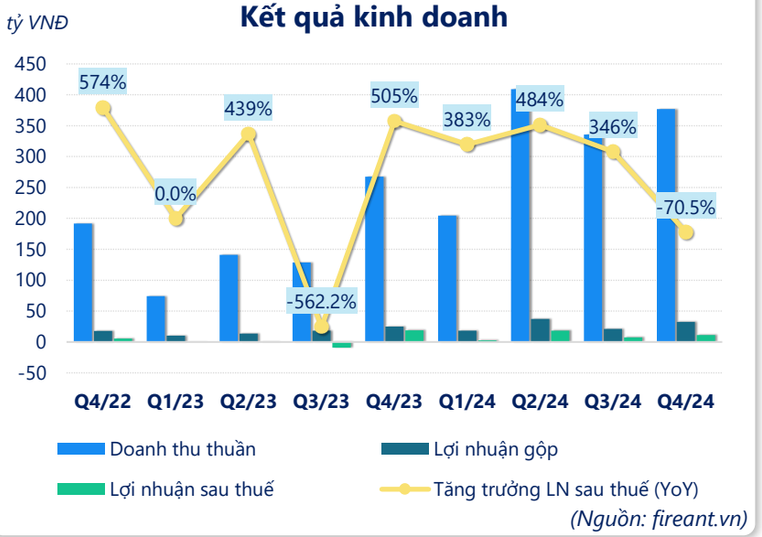


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

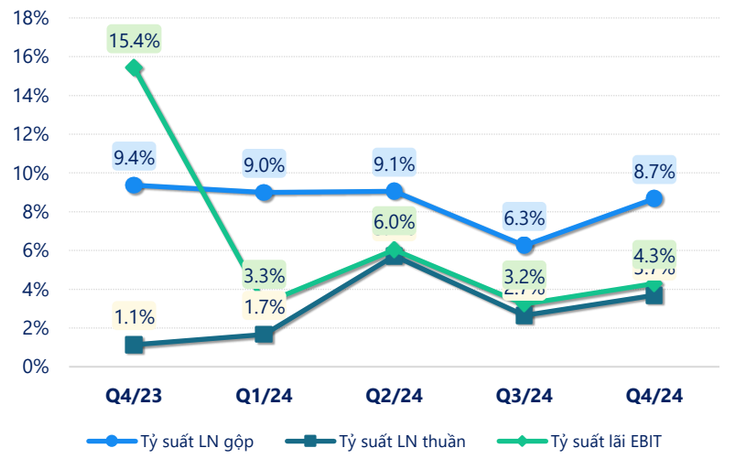
CTCP Xây dựng và Thiết kế số 1 (UPCOM: DCF)

Kết quả kinh doanh



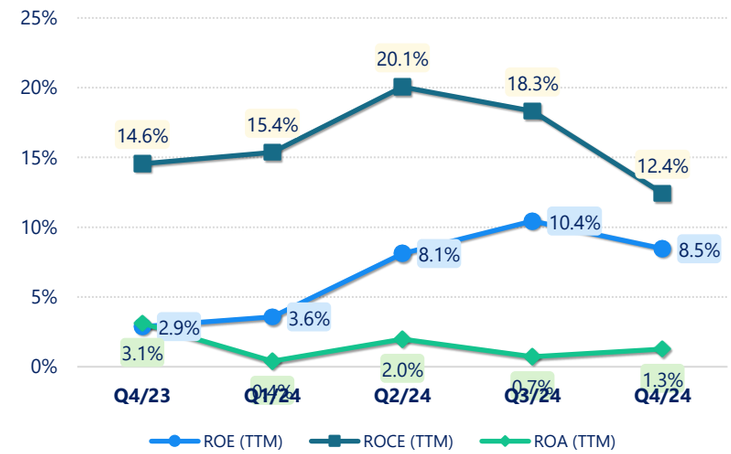
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



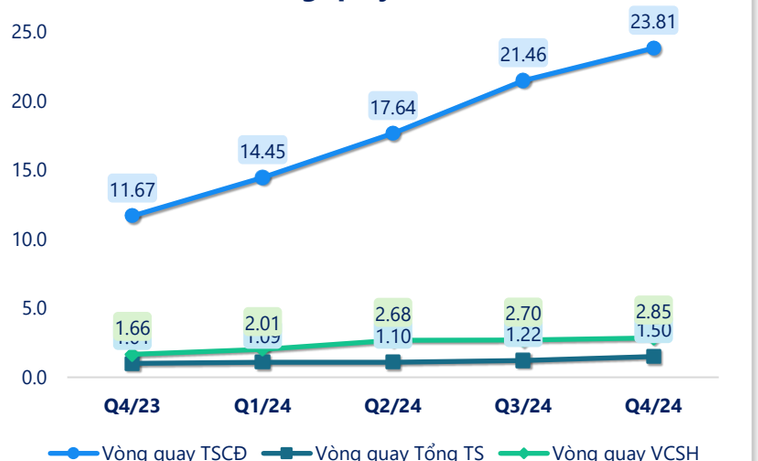
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



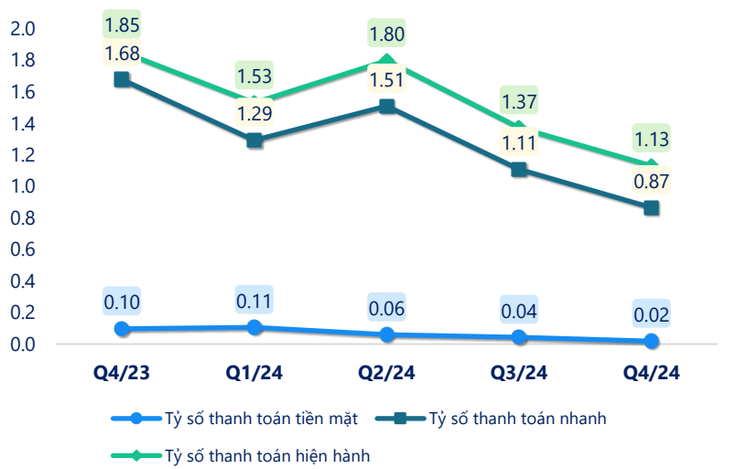
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



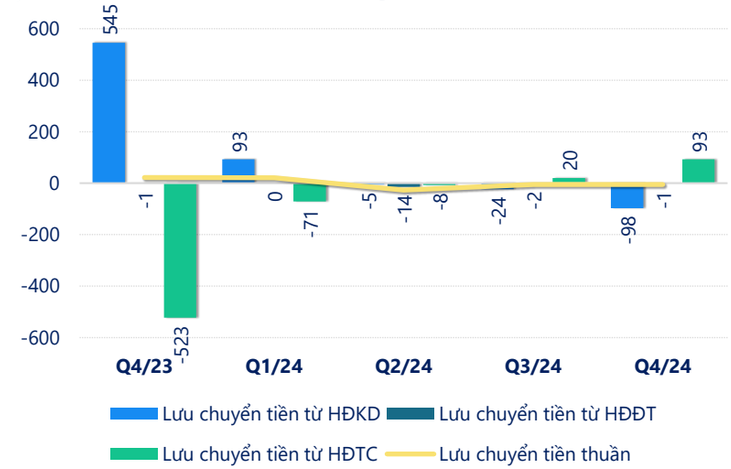
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Xây dựng và Thiết kế số 1 (UPCOM: DCF)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,041**	**726**	**43.3%**
Tài sản ngắn hạn	626	508	23.3%
Tiền và tương đương tiền	10.2	26.4	-61.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	429	409	4.8%
Hàng tồn kho	147	48.2	205%
Tài sản ngắn hạn khác	39.9	23.7	68.2%
Tài sản dài hạn	**415**	**219**	**89.9%**
Phải thu dài hạn	315	0.26	119942%
Tài sản cố định	61.5	49.9	23.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.72	4.09	15.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	148	-100%
Tài sản dài hạn khác	**33.5**	**16.4**	**104%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	556	279	99.1%
Nợ ngắn hạn	**554**	**274**	**102%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	181	144	25.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	250	68.3	266%
Nợ dài hạn	2.78	5.52	-49.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.78	3.52	-77.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**485**	**447**	**8.5%**
Vốn chủ sở hữu	**485**	**447**	**8.5%**
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	268	204	409	336	377
Giá vốn hàng bán	242	186	372	315	344
Lợi nhuận gộp	25.1	18.4	37.0	21.0	32.7
Doanh thu HĐTC	0.01	0.03	0.03	0.02	0.02
Chi phí TC	12.9	2.89	-0.60	1.69	2.23
Chi phí lãi vay	12.9	2.89	1.56	1.69	2.23
LN trong công ty LKLD	2.37	-0.84	0.84	0	0
Chi phí bán hàng	0.12	0.26	0.13	0.09	0.11
Chi phí QLDN	11.4	11.0	15.0	10.3	16.5
LN thuần từ HĐKD	3.04	3.40	23.4	8.92	13.9
Lợi nhuận khác	25.3	0.39	-0.29	0.25	0.02
LN trước thuế	28.4	3.79	23.1	9.16	14.0
Lợi nhuận sau thuế	18.9	2.73	18.2	7.32	11.1
LNST của CĐ cty mẹ	18.9	2.73	18.2	7.32	11.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	545	93.0	-4.63	-23.8	-97.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.67	-0.36	-14.5	-1.84	-0.74
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-523	-71.3	-7.74	20.0	93.2
Tiền đầu kỳ	4.54	26.4	47.8	20.9	15.3
Lưu chuyển tiền thuần	**21.9**	**21.4**	**-26.9**	**-5.61**	**-5.12**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	26.4	47.8	20.9	15.3	10.2

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic